TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **611** /2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 389/2025/TLST-HNGĐngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

-Ông **Nguyễn Văn T**, sinh ngày:16/11/1994

Căn cước công dân: 049094005887 cấp ngày 13/3/2022

Địa chỉ: Căn hộ C, T, khu nhà ở cao tầng Công ty K, số B đường số A, khu dân cư S, ấp E xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Bà **Phạm Thị Ngọc T1**, sinh ngày 17/12/1994

Căn cước công dân: 052194009336 cấp ngày 17/6/2022

Địa chỉ: Căn hộ C, T, khu nhà ở cao tầng Công ty K, số B đường số A, khu dân cư S, ấp E xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 10 năm 2025, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và Phạm Thị Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 122 đăng ký ngày 15/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 đều xác nhận có 01 (một) con chung là Nguyễn Gia V, giới tính nữ, sinh ngày: 16/8/2023. Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Gia V cho bà Phạm Thị Ngọc T1 chăm sóc; ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/ tháng/trẻ

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 25 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 25/10/2025.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện việc cấp dưỡng theo quyết định thì bà T1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017411 ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Ngọc T1 đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV10;
- UBND phường;
- Chi cục KV10;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Vân Hương